

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **172/2017/HC-PT**

Ngày: 15/10/2018

V/v: “*Kiến quyết định hành chính*”

Trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở số 372, đường Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 169/2018/TLPT-HC ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc: “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169a/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Quản Thị H.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lưu Văn K. Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố B. Văn bản ủy quyền số 53 ngày 30/11/2017. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Th, địa chỉ: tổ dân phố 4, phường T1, thành phố

B, Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trịnh Thị N, địa chỉ: khối 7 phường T, thành phố B, Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Bà Trịnh Thị X, địa chỉ: khối 7 phường T, thành phố B, Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Năm 1988, bà Lê Thị P được Nông trường cao su Y giao 860m² đất thuộc quyền quản lý của Nông trường.

Tháng 3 năm 1993, bà P chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hoài Th 500m² đất, giấy chuyển nhượng được Nông trường xác nhận ngày 10/02/1995.

Năm 1994, bà P chuyển nhượng phần đất còn lại cho bà Quản Thị H. Hợp đồng chuyển nhượng được UBND phường T xác nhận ngày 25/02/2003. Từ đó đến nay, bà H quản lý sử dụng ổn định và đã lập các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Quyết định 935/QĐ-UBND-TNMT ngày 02/6/2006 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật, được ban hành trên cơ sở xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, UBND phường T và các cơ quan liên quan, nhưng bà Nguyễn Thị Hoài Th khởi kiện đến Tòa án, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 để hủy quyết định số 935/QĐ-UBND-TNMT. Việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành quyết định khác hủy quyết định đã có hiệu lực trong 10 năm qua đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 26/7/2017.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Ngày 25/9/2005, UBND thành phố nhận được đơn khiếu nại của bà Quản Thị H đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Quản Thị H và bà Nguyễn Thị Hoài Th.

Ngày 02/6/2006, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định 935/QĐ-UBND-TNMT về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà H.

Sau khi bà Nguyễn Thị Hoài Th khởi kiện Quyết định số 935/QĐ-UBND. UBND thành phố B thực hiện rà soát trình tự, thủ tục ban hành Quyết định trên và nhận thấy:

- Về trình tự tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai do UBND phường T giải quyết: UBND phường chưa thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai theo khoản 2 Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP; Nội dung biên bản làm việc của UBND phường chưa phản ánh đúng bản chất của việc hòa giải về nguồn gốc, quá trình sử dụng, kích thước, diện tích...; chưa xác nhận hòa giải thành hoặc không thành theo Khoản 2 Điều 195 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP.

- Về thể thức: Bà H làm đơn khiếu nại nhưng nội dung đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai. Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 935/QĐ-UBND-TNMT về việc giải quyết đơn kiến nghị là chưa đúng thể thức.

- Về căn cứ pháp lý: Căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai chưa thể hiện đủ theo Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Vì vậy, ngày 26/7/2017, Chủ tịch UBND thành phố B đã ban hành quyết định số 4430/QĐ-UBND về việc hủy quyết định số 935/QĐ-UBND-TNMT là đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trịnh Thị X: Ngày 10/7/1993, tôi có mua lô đất của bà Nguyễn Thị Hoài Th với chiều rộng 6m, dài 16m có hướng Bắc giáp vườn bà H, hướng Nam giáp vườn bà Th, hướng Đông giáp xưởng của H. Khi mua, xung quanh có hàng rào bao bọc. Khi mua đất, bà Th có chừa 02m đất là lối đi chung.

Sau đó, bà H lấn chiếm 02m đất. Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 935/QĐ-UBND-TNMT, chúng tôi làm đơn yêu cầu hủy quyết định số 935 và đã được UBND thành phố chấp nhận. Nay bà H khởi kiện, chúng tôi không đồng ý.

Bà Nguyễn Thị Hoài Th trình bày: Năm 1993, tôi có mua của bà Lê Thị P lô đất diện tích 500m² có hướng Đông giáp Xưởng của H, và giao toàn bộ giấy tờ đất cho tôi. Bà P không còn đất để bán cho ai khác. Sau đó, tôi có chuyển nhượng cho bà Quản Thị H, bà Trịnh Thị N và bà Trịnh Thị X phần đất phía sau nhà. Do không có lối đi nên tôi để lại 02m đất của tôi làm lối đi chung. Sau khi xưởng của H giao đất cho binh đoàn Z, tôi và bà N, bà X lấn thêm 02m đất nữa nên mới có lối đi rộng hơn. Sau đó, bà H lấn chiếm biến con đường của chúng tôi thành đất bà H. Khi Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định 935/QĐ-UBND-TNMT, chúng tôi đã khởi kiện và Chủ tịch UBND thành phố đã chấp nhận rút lại quyết định 935/QĐ-UBND-TNMT nhưng bà H không có ý kiến gì. Do đó, chúng tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 159, Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quản Thị H về việc hủy Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/5/2018, người khởi kiện bà Quản Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HCST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa người đại diện cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoài Th có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm cho rằng kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính: Ngày 26-7-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Ban Ma Thuật ban hành Quyết định 4430/QĐ-UBND (Sau đây gọi tắt là Quyết định 4430) có nội dung hủy Quyết định 935/QĐ-UBND-TNMT ngày 02-6-2006 của Chủ tịch UBND thành phố B (Sau đây gọi tắt là Quyết định 935) về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp về đất đai đối với bà Quản Thị H và bà Nguyễn Thị

Hoài Th. Không đồng ý với nội dung giải quyết và cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ngày 30-8-2017, bà Quản Thị H có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án yêu cầu hủy quyết định 4430/QĐ-UBND ngày 26-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Xét đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị khởi kiện vụ án hành chính, do vậy căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Quản Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm tuyên hủy quyết định hành chính nói trên, Hội đồng xét xử thấy rằng do có tranh chấp đất đai giữa bà Quản Thị H và bà Nguyễn Thị Hoài Th, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định 935 giải quyết việc tranh chấp đất đai giữa các đương sự nêu trên. Cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoài Th có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Quyết định 935, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý vụ án vào ngày 24-7-2006. Ngày 27-9-2006, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 1033 có nội dung xin rút lại Quyết định 935, tiếp đó ngày 28-9-2006, bà Nguyễn Thị Hoài Th có đơn rút yêu cầu khởi kiện, nên ngày 29-9-2006 Tòa án nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 03/2006/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính giữa người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hoài Th và người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B.

[3] Do tin rằng Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Công văn số 1033 có nội dung xin rút lại Quyết định 935 để xem xét giải quyết lại việc tranh chấp đất đai giữa bà Th và bà Quản Thị H, nhưng bà Th không được cơ quan có thẩm quyền nào tiếp tục giải quyết, do vậy ngày 21-4-2017 bà Nguyễn Thị Hoài Th tiếp tục có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu hủy Quyết định 935 và TAND tỉnh Đắk Lắk thụ lý vụ án hành chính vào ngày 17-5-2017. Trong giai đoạn TAND tỉnh Đắk Lắk chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ngày 26-7-2017 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định 4430 có nội dung hủy Quyết định 935, do đối tượng khởi kiện không còn nên TAND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 23/2017/QĐST-HC ngày 02-8-2017 đình chỉ giải quyết vụ án hành chính giữa người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hoài Th và người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B.

[4] Xét việc tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị Hoài Th và bà Quản Thị H phát sinh từ năm 2005 đến nay được chủ tịch UBND thành phố B liên tục giải quyết nhưng vẫn chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Bà Nguyễn Thị Hoài Th cho rằng Quyết định 935 ảnh hưởng trực tiếp đến

quyền lợi chính đáng của mình nên ngày 21-4-2017 bà Nguyễn Thị Hoài Th tiếp tục có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu hủy Quyết định 935. Quá trình TAND tỉnh Đắk Lắk giải quyết vụ án hành chính giữa người khởi kiện bà Th và người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố B, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định 4430 có nội dung hủy Quyết định 935. Khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính quy định người bị kiện có quyền "...Sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính", như vậy việc Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định 4430 là đúng quy định pháp luật, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Quản Thị H về việc đề nghị hủy Quyết định 4430 là có căn cứ pháp luật.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của người khởi kiện bà Quản Thị H là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm đối với người kháng cáo bà Quản Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Quản Thị H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2018/HC-ST ngày 24-4-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ Điều 159, Điều 161 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội. Tuyên xử:

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quản Thị H về việc hủy Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố B.

3. Người khởi kiện bà Quản Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng (Đã nộp tại biên lai thu số 0006336 ngày 18-5-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn